HĐ THI THĂNG HẠNG Y TẾ
TỈNH BẮC GIANG NĂM 2017

SỞ NỘI VỤ

THÔNG BÁO

Kết quả sơ tuyển, hướng dẫn ôn thi, lịch thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế tỉnh Bắc Giang năm 2017

1. Kết quả sơ tuyển

Ngày 08/08/2017, Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế tỉnh Bắc Giang năm 2017 thông qua danh sách những thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế tỉnh Bắc Giang năm 2017 *(có danh sách kèm theo)*. Hội đồng nhận đơn và giải quyết các kiến nghị về kết quả sơ tuyển từ ngày 09/08/2017 đến hết ngày 18/08/2017 tại Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Hội đồng), ngoài thời gian trên Hội đồng không xem xét giải quyết theo quy định.

2. Hướng dẫn ôn thi

- Thời gian: Tổ chức hướng dẫn ôn thi vào ngày 12/8/2017.

+ Buổi sáng bắt đầu từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều bắt đầu từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 00 phút.

- Địa điểm: Nhà Văn hóa Lao động tỉnh Bắc Giang (*Số 68, đường Lê Hồng Phong, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang*).

3. Tổ chức thi thăng hạng

- Thời gian: Ngày 20/8/2017.

+ Khai mạc kỳ thi: Bắt đầu từ 6 giờ 30 phút;

+ Lịch thi: Buổi sáng thi môn kiến thức chung và Tin học;

Buổi chiều thi Ngoại ngữ và môn chuyên môn, nghiệp vụ.

- Địa điểm thi: Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp Bắc Giang (cơ sở 1), số 832, đường Nguyễn Lợi, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

* Hội đồng niêm yết phòng và Số báo danh, Lịch thi từ 15 giờ ngày 19/8/2017 tại địa điểm thi thăng hạng.

Lưu ý: Trước khi vào phòng thi thí sinh phải xuất trình giấy chứng minh thư nhân dân (bằng lái xe, hoặc giấy tờ khác dán ảnh có dấu giáp lai)./.

HỘI ĐỒNG THI THĂNG HẠNG

HĐ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CHUYÊN NGÀNH Y TẾ TỈNH BẮC GIANG NĂM 2017

Mẫu M2

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số: /HĐ ngày 08/8/2017 của Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế tỉnh Bắc Giang năm 2017)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*		*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	
Chức danh Bác sĩ (147)																		
1	Đặng Thị Thanh	Phương	03/09/1976		Khoa Khám bệnh BVĐK tỉnh BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	14/08/2001	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
2	Ngô Thu	Linh		02/02/1974	Khoa CC,ĐTHSTC,CĐ&SS BVSNBG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/06/2004	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
3	Đàm Hương	Thiết	16/8/1978		BV Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/03/2010	6	2.86	ĐH	Y đa khoa	B	C			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
4	Nguyễn Thị Kim	Phượng		22/03/1976	Khoa Nội Nhi, BV Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/1999	10	3,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
5	Phạm Thị	Tuyết		14/04/1980	Khoa Nội Nhi, BV Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/05/2006	6	2,86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
6	Phan Văn	Tiến	09/02/1978		BV Tâm thần	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2008	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
7	Nguyễn Ngọc	Tùng	18/02/1984		BV Tâm thần	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2011	4	2,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
8	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		27/02/1988	BV Tâm thần	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2011	4	2,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
9	Mai Thị	Thương		20/10/1985	BV Tâm thần	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2011	4	2,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
10	Đồng Thị	Hiếu		15/04/1987	BV Tâm thần	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2010	4	2,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
11	Nguyễn Thị Thu	Hiền		22/02/1980	BV Phổi BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/00/2010	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
12	Nguyễn Thái Hoàng	Long	26/6/1985		BV Phổi BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2010	5	2.66.	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
13	Nguyễn Thị	Mai		18/3/1978	BV Phổi BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/00/2003	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
14	Bùi Thị	Nguyệt		19/12/1977	BV Phổi BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
15	Nguyễn Văn	Túc	02/09/1976		BV Phổi BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/03/2010	6	2.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
16	Phạm Thị	Quyên		04/08/1975	BV Phổi BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/00/1999	10	3.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
17	Nguyễn Đức	Trọng	18/7/1985		BVĐK huyện Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/00/2010	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
18	Tạ Văn	Anh	08/08/1976		BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
19	Nguyễn Văn	Phương	02/11/1977		BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2004	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	A2			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
20	Trần Thị Mai	Trang		08/07/1985	BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	A2			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
21	Nguyễn Thị	Lan		05/03/1980	BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/06/2004	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
22	Ngụy Thị	Thương		20/08/1976	BV ĐK Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/1998	10	3,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
23	Lê Chí	Cường	23/12/1975		BV ĐK Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2008	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
24	Trần Văn	Hùng	04/02/1980		Khoa Ngoại tổng hợp, BVĐK huyện Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/11/2006	6	2.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
25	Nguyễn Văn	Hùng	11/05/1975		BVĐK Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
26	Trần Thị	Nga		20/04/1986	BVĐK Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
27	Vi Thị	Lạng		06/10/1976	BV ĐK huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	15/04/2002	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
28	Nguyễn Thị	Hoan		12/11/1972	BV ĐK huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/03/1996	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
29	Vũ Trí	Huy	16/11/1979		BVĐK Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
30	Phan Văn	Tuấn	01/03/1978		BV Nội tiết	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2009	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
31	Nguyễn Thị	Liên		29/11/1979	BV Nội tiết	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/05/2006	6	2.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
32	Nguyễn Văn	Toản	14/05/1985		TT KSBT tỉnh BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	42278	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
33	Diêm Thế	Phương	22/11/1977		TT Y tế TP BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2010	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
34	Nguyễn Văn	Bình	10/02/1976		Trạm Y tế phường Lê Lợi thuộc TTYT TP BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
35	Hà Thị	Lan		20/5/1976	Trạm Y tế phường Xương Giang, TTYT TP BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	9	3.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
36	Nguyễn Thị Thu	Hà		17/5/1974	Trạm YTX Dĩnh Trì thuộc TTYT TP BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
37	Trịnh Văn	Nhuần	06/04/1979		Trạm YTX Đồng Sơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
38	Chu Quang	Chiến	09/10/1971		Trạm Y tế Nam Dương, TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	10	3.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
39	Bùi Văn	Tuấn	17/02/1966		Trạm Y tế Tân Quang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	10	3.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
40	Vũ Văn	Điền	12/11/1986		Trạm Y tế Tân Quang, TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
41	Vũ Thiết	Hùng	12/06/1970		Trạm Y tế Tân Sơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
42	Đỗ Văn	Thường	17/01/1977		Trạm Y tế Nam Dương, TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
43	Sái Văn	Lợi	01/10/1969		Trạm Y tế Đồng Cốc	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
44	Lâm Minh	Tuấn	26/09/1976		Trạm Y tế Tân Lập thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
45	Hoàng Thị	Sinh		01/07/1972	Trạm Y tế Cẩm Sơn thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
46	Đỗ Khắc	Hội	27/11/1976		Trạm Y tế Mỹ An	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
47	Tô Thanh	Hùng	28/12/1971		Trạm Y tế Hộ Đáp thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	9	3.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
48	Cao Xuân	Khánh	02/09/1987		Trạm Y tế Hộ Đáp thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
49	Chu Văn	Long	11/05/1979		Trạm Y tế Biển Động thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
50	Bế Thị	Hoa		05/06/1973	Trạm Y tế Phì Điền thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
51	Tạ Thị	Lan		17/2/1981	Trạm Y tế Phong Minh thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
52	Nguyễn Xuân	Thủy	16/9/1978		Trạm Y tế Mỹ An thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
53	Ngyễn Thành	Kếp	14/9/1976		Trạm Y tế Đèo Gia thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
54	Vi Đức	Mạnh	06/01/1978		Trạm Y tế Trù Hựu thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
55	Lâm Văn	Tám	03/10/1976		Trạm Y tế Sa Lý thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
56	Nguyễn Thái	Giang	25/10/1979		Khoa YTCC-TTYT Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
57	Nguyễn Văn	Cường	15/02/1976		Trạm YTX An Thượng thuộc TTYT Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
58	Dương Thị Thu	Phương		27/10/1975	Trạm YTX Hồng Kỳ thuộc TTYT huyện Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
59	Nguyễn Viết	Tùng	24/01/1980		Trạm y tế Xuân Lương thuộc TTYT Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
60	Trần Anh	Đăng	08/02/1978		Trạm y tế Tân Sỏi thuộc TTYT Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
61	Nguyễn Thị	Hào		26/11/1977	Trạm y tế Đồng Kỳ thuộc TTYT Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
62	Phạm Thị Ngọc	Lan		20/01/1972	Trạm Y tế TT Cầu Gồ thuộc TTYT Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	10	3.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
63	Phạm Văn	Mạnh	09/10/1981		Trạm YTX Hương Vỹ thuộc TTYT Yên Thế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
64	Ngô Đức	Bình	16/9/1978		TYT Quang Minh, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/12/2009	9	3.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
65	Nguyễn Vân	Anh	14/8/1977		TYT Mai Trung, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2003	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	C			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
66	Đinh Văn	Phúc	20/8/1976		TYT Mai Đình, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2004	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
67	An Văn	Tiệp	17/10/1978		TYT Hương Lâm, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
68	Vũ Đức	Mão	15/3/1975		TYT Hoàng Thanh, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/05/2007	6	2.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
69	Nguyễn Xuân	Hường	21/10/1978		TT Y tế Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/00/2009	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
70	Đào Xuân	Thịnh	30/05/1977		TT Y tế Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	07/01/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
71	Nguyễn Văn	Đức	18/8/1974		Trạm YTX Lan Mẫu thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
72	Vũ Văn	Kiên	10/10/1977		Trạm YTX Nghĩa Phương	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
73	Đặng Ngọc	Quang	16/8/1978		Trạm YTX Chu Điện thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
74	Trung Mậu	Sáng	02/01/1975		Trạm Y tế xa Tiên Nha thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2015	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
75	Trần Thị	Hường		12/09/1972	Trạm YTX Bảo Đài thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	07/01/2001	8	3.26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
76	Nguyễn Thị	Nhị		20/02/1981	Trạm YTX Tam Dị thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	12/01/2007	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
77	Vũ Trí	Kết	22/7/1977		Trạm YTX Bình Sơn thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	12/01/2007	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
78	Hoàng văn	Cường	08/02/1976		TTYT Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/01/2005	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
79	Nguyễn Anh	Tuấn	15/11/1977		Trạm YTX Ngọc Lý thuộc TTYT huyện Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	08/01/2006	6	2.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
80	Lại Thị	Hòa		08/08/1977	Trạm YTX Đại Hóa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	10/01/2007	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
81	Hoàng Thị Thúy	Hằng		05/12/1978	Trạm YTX Ngọc Châu thuộc TTYT huyện Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	08/01/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	C			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
82	Nguyễn Vũ Cẩm	Hương		15/04/1983	Trạm YTX Quang Tiến thuộc TTYT huyện Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	08/01/2008	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
83	Nguyễn Duy	Hanh	18/09/1973		Trạm YTX Phúc Hòa thuộc TTYT huyện Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	03/01/2008	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
84	Nguyễn Văn	Diệp	01/01/1973		TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
85	Trần Thị Tú	Anh		30/5/1964	TYT Hồng Thái thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B		Miễn thi		Bác sĩ đa khoa
86	Lê Thị Dung	Hòa		05/04/1967	TYT Tăng Tiến thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	12	4.06	ĐH	Y đa khoa	C	B		Miễn thi		Bác sĩ đa khoa
87	Nguyễn Thị	Phương		03/03/1976	TYT Quang Châu thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	10	3.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
88	Vương Thị	Uyên		30/6/1983	TYT Tiên Sơn thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
89	Thân Văn	Hưng	25/8/1982		TYT Nghĩa Trung thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
90	Nguyễn Văn	Trọng	25/5/1979		Trạm YTX Xuân Hương, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
91	Nguyễn Đình	Khánh	19/10/1976		Trạm YTX Nghĩa Hòa, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3,06	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
92	Nguyễn Công	Nga	18/8/1966		Trạm YTX Thái Đào, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3,86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
93	Vũ Thị	Thuận		17/01/1980	Trạm YTX Thái Đào, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	6	2,86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
94	Hà Huy	Giáng	25/11/1977		Trạm YTX Tân Thịnh, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	9	3,46	DH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
95	Vũ Văn	Hoàn	12/03/1978		Trạm YTX Hương Sơn, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	8	3,26	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
96	Nguyễn Đức	Phương	12/06/1976		Trạm YTX Dương Đức, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	9	3,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
97	Giáp Văn	Thảo	01/08/1975		Trạm YTX Đại Lâm, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	6	2,86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
98	Nguyễn Ngọc	Linh		09/10/1986	Trạm YTX Quang Thịnh, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
99	Trần Thị	Anh		12/10/1979	Trạm Y tế thị trấn Kép, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
100	Đặng Thị Thúy	Phượng		24/5/1976	Trạm YTX An Hà, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	9	3,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
101	Hoàng Văn	Khuê	26/02/1980		Trạm YTX Thái Đào, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
102	Nguyễn Văn	Hậu	20/11/1986		Trạm YTX Xuân Hương, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	4	2,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
103	Nguyễn Thị	Hương		30/10/1977	Trạm YTX An Bá thuộc TTYT huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	06/04/2000	9	3.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
104	Nguyễn Thi	Hoàn		03/8/1974	Trạm YTX Vân Sơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/00/1996	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	A	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
105	Phùng Đức	Long	29/11/1979		Trạm y tế TT Thanh Sơn thuộc TTYT huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.67	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
106	Đặng Đức	Minh	06/8/1970		Trạm YTX Bồng Am thuộc TTYT huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	10	3.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
107	Lưu Văn	Nhẫn	08/6/1972		Trạm YTX An lập thuộc TTYT huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B		Miễn thi		Bác sĩ đa khoa
108	Trần Văn	Thắng	20/11/1972		Trạm YTX Vĩnh Khương thuộc TTYT huyện Sơn Độn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	22 năm	11	3.86	ĐH	Y đa khoa	B	B		Miễn thi		Bác sĩ đa khoa
109	Nguyễn Hữu	Sỹ	15/06/1976		Trạm YTX Quế Sơn thuộc TTYT huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	18 năm	9	3.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
110	Nông Thái	Sơn	05/8/1978		Trạm YTX Thanh Luận thuộc TTYT huyện Sơn Động	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	13 năm	7	3.06	ĐH	Y đa khoa	B	B		Miễn thi		Bác sĩ đa khoa
111	Nguyễn Thị	Hà		28/4/1976	TYT xã Tân Liễu thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	6	2,86	ĐH	Y đa khoa	A	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
112	Vũ Thị	Chinh		06/03/1974	TYT xã Tân Liễu thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	6	2,86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
113	Trần Văn	Việt	09/06/1975		TYT xã Đức Giang thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
114	Nguyễn Văn	Thắng	20/4/1974		TYT xã Tiến Dũng thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
115	Nguyễn Văn	Tuấn	19/8/1968		TYT xã Yên Lư thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	12	4,06	ĐH	Y đa khoa	C	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
116	Nguyễn Thị	Quyến		26/7/1976	TYT xã Yên Lư thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	9	3,46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
117	Đỗ Thị Hà	Chung		27/3/1978	TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	6	2,86	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
118	Nguyễn Anh	Tuấn	09/02/1984		BV Nội tiết	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2010	4	2.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
119	Vũ Trí	Cương	10/08/1977		Trạm Y tế Cương Sơn thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2015	9	3.46	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
120	La Trung	Kiên	15/10/1975		Trạm YTX Ngọc Thiện thuộc TTYT huyện Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	07/01/1999	10	3.66	ĐH	Y đa khoa	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ đa khoa
121	Đàm Thị	Miền		02/05/1985	Khoa Y học cổ truyền, BVĐK tỉnh BG	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
122	Nguyễn Thị	Liên		06/10/1981	Khoa Nội Nhi, BV Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/06/2004	7	3,06	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
123	Vũ Hải	Yến		22/04/1973	Khoa khám bệnh, BV Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	28/06/1905	10	3,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
124	Nguyễn Thị	Tuyết		29/07/1984	Khoa khám bệnh, BV Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2009	4	2,46	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
125	Nguyễn Thị	Lê		21/10/1981	BVĐK huyện Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
126	Nguyễn Thị	Lân		18/10/1980	BVĐK huyện Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
127	Nguyễn Quang	Hiển	06/09/1982		BVĐK huyện Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	00/00/2005	7	3.06	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
128	Lương Thị	Lệ		21/12/1982	BV ĐK Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2008	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
129	Vũ Thị	Hường		10/07/1981	BV ĐK Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	CC ứng	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
130	Phạm Thị	Hoài		25/12/1985	BVĐK- Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2009	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
131	Nguyễn Hữu	Hưng	19/02/1975		BVĐK Tân Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
132	Ân Văn	Quý	01/05/1983		Trạm Y tế Thanh Hải thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
133	Nguyễn Danh	Hồng	02/04/1977		Trạm Y tế TT Chũ thuộc TTYT huyện Lục Ngạn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
134	Nguyễn Khắc Việt	Dũng	08/02/1985		TYT Hoàng Thanh, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/05/2007	6	2.86	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
135	Nghiêm Thị Phương	Thủy		01/02/1983	TYT Thái Sơn, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
136	Bùi Ngọc	Tuân	09/11/1984		Trạm Y tế Lục Sơn thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2015	4	2.46	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
137	Nguyễn Văn	Quyết	20/8/1984		Trạm Y tế Huyền Sơn thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2015	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
138	Lương Thị Hồng	Minh		20/02/1983	Trạm Y tế Đông Hưng thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	08/01/2007	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
139	Phạm Chí	Hùng	01/11/1984		Trạm YTX Đông Phú	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	08/01/2007	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	C	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
140	Thân Quốc	Cường	19/10/1980		TYT Thượng Lan thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3.06	ĐH	Y học cổ truyền	B	A2			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
141	Tạ Quang	Phi	01/11/1959		TYT TT Nếnh thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	12	4.06	ĐH	Y học cổ truyền	CC ứng	A2		Miễn thi		Bác sĩ YHCT
142	Nguyễn Châu	Thảo	11/02/1976		TYT Nghĩa Trung thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3.06	ĐH	Y học cổ truyền	UDC NTTC	A2			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
143	Thân Thị	Luận		24/9/1983	Trạm YTX Tiên Lục, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
144	Lê Văn	Hoài	26/10/1984		TYT xã Đồng Việt thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
145	Nguyễn Thành	Luân	30/5/1982		TYT xã Cảnh Thuỵ thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
146	Nguyễn Hữu	Khánh	07/03/1982		TYT xã Lãng Sơn thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
147	Nguyễn Lương	Hưng	30/11/1983		BV Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/05/2006	6	2.86	ĐH	Y học cổ truyền	ĐH KTĐT	C	Miễn thi		Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
Chức danh Dược sĩ (31)																		
1	Nguyễn Công	Dương	21/8/1986		Khoa Dược, BVĐK tỉnh BG	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/09/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	C			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
2	Nguyễn Thị	Huệ		13/11/1986	Khoa Dược BVSNBG	Dược hạng IV	V.08.08.23	29/06/1905	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
3	Phạm Ngọc	Huệ		13/12/1983	BV Phục hồi chức năng	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
4	Thân Thị	Thủy		14/4/1987	BV Phục hồi chức năng	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2006	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
5	Triệu Vũ Nguyễn	Đồng	15/08/1985		BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	A2			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
6	Nguyễn Hà	Lan		08/9/1985	Khoa Dược-TTB Y tế, BVĐK huyện Yên Thế	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2008	5	2.66	DH	Dược sĩ	CC ứng	A2			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
7	Nguyễn Thị	Yên		01/12/1985	BVĐK- Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/03/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
8	Trần Thị Thu	Hoài		13/08/1985	BVĐK- Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/03/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
9	Trần Thị Thu	Hà		11/03/1985	BVĐK- Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/01/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
10	Nguyễn Thị	Hường		20/05/1984	BVĐK Tân Yên	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
11	Phạm Văn	Huỳnh	16/07/1986		BVĐK Lục Nam	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
12	Nguyễn Thị	Hiệp		20/07/1984	BVĐK Lục Nam	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	C			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
13	Cao Thị	Hảo		20/10/1985	BV Ung bướu	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/09/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
14	Nguyễn Thị	Huệ		20/04/1985	TT Kiểm nghiệm	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
84	Nghiêm Thị Phương	Thủy		01/02/1983	TYT Thái Sơn, TTYT huyện Hiệp Hòa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
90	Bùi Ngọc	Tuân	09/11/1984		Trạm Y tế Lục Sơn thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2015	4	2.46	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
91	Nguyễn Văn	Quyết	20/8/1984		Trạm Y tế Huyền Sơn thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/01/2015	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
93	Lương Thị Hồng	Minh		20/02/1983	Trạm Y tế Đông Hưng thuộc TTYT huyện Lục Nam	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	08/01/2007	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
97	Phạm Chí	Hùng	01/11/1984		Trạm YTX Đông Phú	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	08/01/2007	5	2.66	ĐH	Y học cổ truyền	C	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
110	Thân Quốc	Cường	19/10/1980		TYT Thượng Lan thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3.06	ĐH	Y học cổ truyền	B	A2			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
111	Tạ Quang	Phi	01/11/1959		TYT TT Nếnh thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	12	4.06	ĐH	Y học cổ truyền	CC ứng	A2		Miễn thi		Bác sĩ YHCT
112	Nguyễn Châu	Thảo	11/02/1976		TYT Nghĩa Trung thuộc TTYT Việt Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	7	3.06	ĐH	Y học cổ truyền	UDC NTTC	A2			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
121	Thân Thị	Luận		24/9/1983	Trạm YTX Tiên Lục, TTYT Lạng Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
137	Lê Văn	Hoài	26/10/1984		TYT xã Đồng Việt thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
139	Nguyễn Thành	Luân	30/5/1982		TYT xã Cảnh Thuỵ thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
144	Nguyễn Hữu	Khánh	07/03/1982		TYT xã Lãng Sơn thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Y học cổ truyền	B	B			Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
5	Nguyễn Lương	Hưng	30/11/1983		BV Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/05/2006	6	2.86	ĐH	Y học cổ truyền	ĐH KTĐT	C	Miễn thi		Tiếng Anh	Bác sĩ YHCT
Chức danh Dược sĩ (31)																		
1	Nguyễn Công	Dương	21/8/1986		Khoa Dược, BVĐK tỉnh BG	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/09/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	C			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
2	Nguyễn Thị	Huệ		13/11/1986	Khoa Dược BVSNBG	Dược hạng IV	V.08.08.23	29/06/1905	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
3	Phạm Ngọc	Huệ		13/12/1983	BV Phục hồi chức năng	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
4	Thân Thị	Thủy		14/4/1987	BV Phục hồi chức năng	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2006	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
5	Triệu Vũ Nguyễn	Đồng	15/08/1985		BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	A2			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
6	Nguyễn Hà	Lan		08/9/1985	Khoa Dược-TTB Y tế, BVĐK huyện Yên Thế	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	CC ứng	A2			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
7	Nguyễn Thị	Yên		01/12/1985	BVĐK- Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/03/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
8	Trần Thị Thu	Hoài		13/08/1985	BVĐK- Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/03/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
9	Trần Thị Thu	Hà		11/03/1985	BVĐK- Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/01/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
10	Nguyễn Thị	Hường		20/05/1984	BVĐK Tân Yên	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
11	Phạm Văn	Huỳnh	16/07/1986		BVĐK Lục Nam	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
12	Nguyễn Thị	Hiệp		20/07/1984	BVĐK Lục Nam	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	C			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
13	Cao Thị	Hảo		20/10/1985	BV Ung bướu	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/09/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
14	Nguyễn Thị	Huệ		20/04/1985	TT Kiểm nghiệm	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
15	Trần Thị	Hương		18/06/1982	TT Kiểm nghiệm	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
16	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		14/09/1987	TT Kiểm nghiệm	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	02/11/2006	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
17	Nguyễn Văn	Triệu	14/03/1984		TT Kiểm nghiệm	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2006	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
18	Nguyễn Tiến	Mạnh	20/11/1986		TC Y tế BG	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	39326	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	C			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
19	Vương Thị	Châm		01/05/1986	TT KSBT tỉnh BG	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	39326	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
20	Vũ Thị Lan	Hương		07/10/1986	TT KSBT tỉnh BG	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	39326	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
21	Nguyễn Thị Vân	Anh		23/5/1988	TT KSBT tỉnh BG	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	39995	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
22	Âu Diễm	Hương		26/2/1990	TT KSBT tỉnh BG	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	41091	3	2.26	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
23	Công Thị	Yến		29/08/1987	Phòng TT-HC-TH TTYTYên Thế	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
24	Nguyễn Văn	Nam	15/3/1984		Trạm YTX Đông Phú thuộc TTYT huyện Lục Nam	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/08/2007	5	2.66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
25	Nguyễn Thị Bích	Hạnh		09/11/1988	Trung tâm Y tế Lục Ngạn	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/10/2015	4	2.46	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
26	Đặng Tiến	Hiệp	18/4/1987		TTYT Hiệp Hòa	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/11/2010	4	2.46	ĐH	Dược sĩ	Ứng dụng	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
27	Tô Thị Thu	Hương		05/04/1982	TYT xã Nội Hoàng thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
28	Nguyễn Thành	Phương	09/05/1987		TYT xã Yên Lư thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/10/2015	4	2,46	ĐH	Dược sĩ	UDCNTTC	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
29	Nguyễn Thị	Vĩnh		20/11/1985	TYT xã Yên Lư thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
30	Nguyễn Xuân	Tuyên	25/11/1982		Phòng Hành chính tổng hợp, TTYT Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/10/2015	5	2,66	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
31	Nguyễn Trọng	Kiên	21/05/1988		Trạm Y tế xã Yên Mỹ, TTYT Lạng Giang	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	01/10/2015	4	2,46	ĐH	Dược sĩ	B	B			Tiếng Anh	Dược sĩ đại học
Chức danh Điều dưỡng (91)																		
1	Nguyễn Thị	Huyền		20/7/1982	Khoa Hô hấp, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
2	Trần Thị	Lụa		08/4/1984	Khoa Hô hấp, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
3	Vũ Thị Như	Quỳnh		17/11/1980	Khoa Khám bệnh, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
4	Đào Thị	Ngọc		19/4/1983	Khoa Đa liễu BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
5	Nguyễn Thị	Tại		14/10/1984	Khoa Nhi, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
6	Giáp Thị	Loan		17/02/1982	Khoa VLTL-PHCN, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
7	Ngô Thị Mai	Hương		28/01/1984	Khoa RHM, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
8	Nguyễn Thu	Quỳnh		18/7/1984	Phòng CĐT, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
9	Nguyễn Thị Hà	Thanh		22/10/1984	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu - Nam học, BVĐK tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
10	Nguyễn Thanh	Dung		28/6/1984	Khoa Mắt, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
11	Vũ Thị	Hạnh		05/11/1985	Khoa Cấp cứu, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	08/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
12	Nguyễn Thị Vân	Hồng		27/10/1983	Khoa TDCN, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
13	Mai Thuỳ	Liên		19/05/1987	Khoa Ngoại Tiêu hoá, BVĐK tỉnh BG	Điều dưỡng hạngIV	V.08.05.13	01/01/2010	6	2.86+ 0.06	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
14	Phan Thị Thanh	Lan		08/01/1979	Khoa Nội Tim mạch, BVĐKT BG	Điều dưỡng hạngIV	V.08.05.13	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
15	Vũ Thị	Mùi		28/1/1985	Khoa Phụ BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
16	Nguyễn Thị Thu	Hiền		19/3/1987	Khoa Ngoại BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/01/2012	3	2.26	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
17	Trần Thị Thu	Hoài		08/01/1984	Khoa Ngoại BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
18	Nguyễn Thị Thu	Hiền		20/3/1985	Khoa Ngoại BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
19	Lương Văn	Mạnh	10/06/1981		Khoa CC,ĐTHSTC,CĐ&SS BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/08/2005	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
20	Nguyễn Thị Thu	Hà		02/12/1984	Khoa CC,ĐTHSTC,CĐ&SS BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
21	Đào Thế	Thanh		30/11/1982	Khoa KSNK BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
22	Đỗ Thị Hồng	Nhung		26/1/1989	Khoa Nội nhi tổng hợp BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/07/2010	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
23	Nguyễn Thị	Phương		10/12/1982	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
24	Tạ Văn	Đỗ	04/05/1986		BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2010	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
25	Nguyễn Thị	Nguyện		26/8/1981	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
26	Hoàng Thị	Tâm		05/09/1988	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
27	Đồng Thị	Soan		25/11/1984	Khoa khám bệnh, BV Y học cổ truyền	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2,86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
28	Lê Thị Thu	Hiền		03/04/1982	BV Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/05/2006	6	2,86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
29	Nguyễn Đình	Nam	25/06/1987		BV Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2009	5	2,66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
30	Nguyễn Thị Thu	Hường		20/10/1982	BV Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/12/2004	7	3,06	ĐH	Điều dưỡng	B	C			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
31	Bùi Thị	Giang		17/7/1982	BV Phổi BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
32	Trần Thị	Huyền		12/06/1984	BV Phổi BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
33	Nguyễn Thị	Mến		14/05/1985	BV Phổi BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
34	Chu Thị	Mỹ		17/7/1984	BV Phổi BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
35	Lương Thanh	Nga		09/12/1984	BV Phổi BG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
36	Vi Thị	Duyên		25/9/1986	BV ĐKKV Lục Ngạn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
37	Phùng Thị	Linh		14/7/1983	BV ĐKKV Lục Ngạn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/03/2010	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
38	Đoàn Trung	Dũng	16/12/1986		BV ĐKKV Lục Ngạn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
39	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		16/8/1984	BV ĐKKV Lục Ngạn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
40	Thân Thị	Hồng		08/03/1986	BV ĐKKV Lục Ngạn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
41	Tạ Thị	Hiền		08/02/1987	BVĐK huyện Việt Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
42	Nguyễn Thị	Tình		28/4/1985	BVĐK huyện Việt Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/11/2006	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
43	Nguyễn Thị	Thoa		19/3/1986	BVĐK huyện Việt Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2009	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
44	Nguyễn Thị Thu	Hường		23/06/1987	BVĐK huyện Việt Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	00/00/2010	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
45	Nguyễn Kim	Chi		26/09/1986	BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	A2			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
46	Phạm Thị	Thảo		20/10/1982	BV ĐK Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/11/2006	6	2,86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
47	Trần Thị	Phương		24/10/1980	BV ĐK Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/11/2006	6	2,86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
48	Trần Thị	Quyên		16/06/1984	BV ĐK Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/11/2006	6	2,86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
49	Trần Thị Thanh	Huyền		28/09/1984	BV ĐK Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2,66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
50	Quách Thị Hồng	Nhung		08/4/1985	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn, BVĐK huyện Yên Thế	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
51	Ninh Thị Thu	Hiền		26/8/1977	Khoa Khám bệnh, BVĐK huyện Yên Thế	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	15/10/2000	9	3.46	ĐH	Điều dưỡng	B	A2			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
52	Hà Thị	Hinh		28/8/1989	BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2010	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
53	Đào Điệu	Thúy		04/10/1989	BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/08/2010	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
54	Phạm Tuấn	Dũng	10/10/1985		BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/03/2007	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
55	Huỳnh Thị	Nga		04/02/1982	BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/05/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
56	Tạ Thanh	Đung		05/05/1986	BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2009	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
57	Phan Văn	Thức	12/02/1987		BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/08/2009	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
58	Hoàng Thị	Hiền		08/12/1984	BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
59	Lê Thị	Sắc		06/09/1983	BVĐK Tân Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/011/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
60	Nguyễn Thị	Bắc		05/06/1987	BVĐK Tân Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2009	4	2.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
61	Ngô Thị	Hương		24/08/1978	BVĐK Tân Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	C			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
62	Ngô Thị	Bền		16/12/1984	BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
63	Bùi Văn	Chiến	03/09/1980		BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
64	Nông Thị	Hà		26/07/1987	BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
65	Lã Thị	Hải		16/02/1984	BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
66	Nguyễn Mạnh	Hùng	18/07/1985		BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	C			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
67	Nguyễn Thị	Lành		03/11/1982	BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
68	Hoàng Thị Minh	Nguyệt		04/03/1987	BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
69	Hoàng Thị	Thu		18/01/1984	BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
70	Trương Thị	Tiếp		13/03/1988	BV ĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2009	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
71	Nguyễn Thị	Lý		15/01/1985	BV Nội tiết	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
72	Trần Thị	Phượng		14/8/1987	BV Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
73	Tống Thành	Huy	11/10/1981		BV Ung Bướu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
74	Hoàng Thị Lan	Anh		07/04/1984	BV Ung bướu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
75	Nguyễn Thị	Nhung		10/04/1986	TTYT huyện Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/01/2012	3	2.26	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
76	Linh Thị	Hương		24/08/1985	Trạm YTX Đồng Tâm thuộc TTYT Yên Thế	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
77	Đỗ Thị	Hiền		01/10/1986	BVĐK huyện Việt Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	42278	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
78	Nguyễn Mỹ	Chinh		07/01/1981	Trạm y tế xã Đồng Tâm thuộc TTYT Yên Thế	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	7	3.06	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
79	Nguyễn Thị Thu	Hương		01/06/1978	Trạm y tế thị trấn Bố Hạ thuộc TTYT Yên Thế	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
80	Nguyễn Thị Hồng	Khuyến		10/11/1984	Trạm y tế xã Đồng Kỳ thuộc TTYT Yên Thế	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
81	Trương Thị	Thắm		26/6/1985	Trạm Y tế xã Bảo Đài	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	07/01/2010	4	2.46	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
82	Nguyễn Thị	Huệ		12/01/1982	Trạm y tế xã Việt Ngọc thuộc TTYT huyện Tân Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	B	C			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
83	Thân Anh	Tuấn	12/12/1982		TYT Quang Châu thuộc TTYT Việt Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
84	Đoàn Kim	Oanh		01/09/1987	TYT Ninh Sơn thuộc TTYT Việt Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	4	2.46	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
85	Vũ Văn	Quang	01/10/1980		TYT xã Đức Giang thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	7	3.06	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
86	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		29/6/1986	TYT xã Tư Mại thuộc TTYT huyện Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	SC nghề	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
87	Dương Thị Thanh	Xuân		18/7/1978	Trạm Y tế xã Đào Mỹ, TTYT Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	7	3.06	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
88	Ngô Thị	Ly		28/10/1987	Trạm Y tế xã Tân Hưng, TTYT Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
89	Nguyễn Thị	Tuấn		05/11/1984	Trạm Y tế xã Xuân Hương, TTYT Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
90	Đào Thị Thanh	Thư		03/05/1979	Khoa Phụ BVSNBG	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/03/2013	8	3.26	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
91	Phạm Hồng	Vân		26/9/1978	BVĐK huyện Lạng Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/03/2013	6	2.86	Đại học	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Điều dưỡng ĐH
Chức danh Kỹ thuật y (41)																		
3	Lê Văn	Tân	20/8/1982		BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B			Tiếng Anh	Kỹ thuật hình ảnh y học
4	Đào Văn	Nam	13/05/1981		BV Phổi BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/07/2009	5	2.66	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B			Tiếng Anh	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
5	Vi Xuân	Dũng	09/04/1983		BV ĐKKV Lục Ngạn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B1			Tiếng Anh	Kỹ thuật hình ảnh y học
6	Ngô Thế	Sáng	20/04/1990		BV ĐK Yên Dũng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	06/12/2013	4	2,46	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B			Tiếng Anh	Kỹ thuật hình ảnh y học
7	Hà Thị	Khánh		08/07/1987	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/07/2009	6	2.86	ĐH	VLTL-PHCN	B	B			Tiếng Anh	VLTL-PHCN
8	Phạm Văn	Tú	16/8/1986		BVĐK- Lạng Giang	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2009	6	2.86+ 0.06	ĐH	VLTL-PHCN	B	C			Tiếng Anh	VLTL-PHCN
9	Lương Thị Thúy	Vân		24/9/1987	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2011	5	2.66	ĐH	VLTL-PHCN	B	B			Tiếng Anh	VLTL-PHCN
10	Nguyễn Thị	Lừng		23/11/1983	Khoa Hoá sinh BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	16/11/2006	6	2.86+ 0.06	ĐH	Xét nghiệm y học	Tin học	C			Tiếng Anh	Xét nghiệm
11	Nguyễn Văn	Toàn	20/10/1981		Khoa Hoá sinh BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2005	7	3.06	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
12	Nguyễn Thị	Oanh		28/01/1987	Khoa Hoá sinh BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	06/07/2009	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
13	Nguyễn Xuân	Tâm	11/8/1981		Khoa Vi sinh BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
14	Vũ Thị	Hiền		18/12/1986	Khoa Vi sinh BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	06/07/2009	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
15	Đặng Thị	Toan		15/3/1975	Khoa Huyết học TM, BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/06/1998	9	3.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
16	Hoàng Quảng	Phúc	24/11/1982		Khoa Huyết học TM, BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	16/11/2006	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
17	Trần Thị	Nguyên		25/03/1986	Khoa Giải phẫu bệnh, BVĐK tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
18	Trần Thị	Thu		17/6/1986	Khoa Xét nghiệm tổng hợp BVSNBG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/12/2011	4	2.46	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
19	Nguyễn Văn	Đoàn	16/12/1983		BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
20	Nguyễn Thị	Thủy		10/08/1984	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/11/2006	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
21	Trịnh Thị Ngọc	Anh		04/06/1981	BV Tâm thần	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2004	7	3,06	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
22	Cám Khoóng	Phả	08/06/1984		BV ĐKKV Lục Ngạn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
23	Phạm Thị	Xuyến		17/02/1988	BV ĐKKV Lục Ngạn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/12/2012	4	2.46	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
24	Phùng Văn	Hảo	18/04/1982		BV ĐK Yên Dũng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/07/2009	5	2,66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
25	Bùi Thu	Hường		06/9/1982	Khoa Xét nghiệm, BVĐK huyện Yên Thế	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	C			Tiếng Anh	Xét nghiệm
26	Hoàng Thị	Thìn		28/10/1988	BVĐK- Lạng Giang	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2009	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
27	Đào Thị	Nhung		07/06/1988	BVĐK- Lạng Giang	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2009	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
28	Hoàng Thị Thu	Lý		15/10/1981	BVĐK Tân Yên	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
29	Lương Tuấn	Đức	12/08/1981		BV ĐK huyện Sơn Động	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/07/2008	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
30	Nguyễn Thị	Loan		16/07/1984	BV Nội tiết	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2006	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
31	Trịnh Đình	Thái	16/05/1975		BV Ung bướu	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	07/07/1999	9	3.46	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
32	Hoàng Thị Diệu	Thúy		06/10/1983	TT KSBT tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	39022	6	2.86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	C			Tiếng Anh	Xét nghiệm

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ
			Nam	Nữ					Bậc	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
33	Nguyễn Thu	Hường		12/04/1984	TT KSBT tỉnh BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	39023	5	2.66+ 0.06	ĐH	Xét nghiệm y học	Kỹ năng	A2			Tiếng Anh	Xét nghiệm
34	Hoàng Thị	Làn		24/03/1987	TT Y tế Tp BG	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2011	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
35	Trần Thị	Lành		15/1/1986	TT Y tế Lục Ngạn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/07/2009	5	2.66 + 0.26	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
36	Nguyễn Thị Thu	Hằng		09/12/1988	Khoa KSDB-HIV/AIDS&XN	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/10/2010	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
37	Nguyễn Thị	Quỳnh		03/07/1988	TTYT huyện Lục Nam	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2011	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
38	Thân Văn	Xuân	04/05/1988		TTYT Việt Yên	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2011	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
39	Nguyễn Thị	Thảo		02/06/1983	Trạm YTX Tân Hưng, TTYT Lạng Giang	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2006	6	2,86	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
40	Mạc Thị Thu	Hằng		16/05/1988	Khoa Y tế công cộng - xét nghiệm, TTYT Lạng Giang	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2010	5	2,66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
41	Nguyễn Thị	Thủy	02/1988		TT Giám định y khoa	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2010	5	2.66	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
1	Tô Nguyệt	Minh		19/05/1975	Khoa Xét nghiệm, BV Sản Nhi	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	00/12/1997	10	3.66	Đại học	Công nghệ sinh học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm
2	Dương Thị Thuý	Lan		28/11/1981	BVĐK Lục Nam	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2006	6	2.86	Đại học	Công nghệ sinh học	B	B			Tiếng Anh	Xét nghiệm

Mẫu M2

DANH SÁCH VIÊN CHỨC KHÔNG ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số: /HĐ ngày 08/8/2017 của Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế tỉnh Bắc Giang năm 2017)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Hạng chức danh nghề nghiệp giữ	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Đăng ký thi Ngoại ngữ	Ghi chú
			Nam	Nữ						Bậc	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Nguyễn Thị	Huyền		08/10/1986	Hộ sinh	Khoa đẻ BVSNBG	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	00/01/2010	6	2.86+0.06	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
2	Lương Thị	Dương		06/08/1979	Hộ sinh	Khoa đẻ BVSNBG	Hộ sinh hạng IV	V.08.6.16	00/12/2004	7	3.06	ĐH	Điều dưỡng	B	Anh A2			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
3	Nguyễn Thị	Mai		07/10/1982	Hộ sinh	BV DKKV Lục Ngạn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	01/01/2004	7	3.06	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
4	Chu Thị	Hân		25/04/1983	Hộ sinh	BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	00/00/2007	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	Anh A2			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
5	Đặng Thị	Quý		02/02/1984	Hộ sinh	BV ĐK huyện Hiệp Hòa	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	00/00/2008	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	Anh A2			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
6	Nguyễn Thị	Trà		01/05/1976	Phó phòng	BV ĐK Yên Dũng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/05/2016	9	3,46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đủ tg giữ CDNN
7	Nguyễn Thị	Thành		12/04/1980	Hộ sinh	BV ĐK Yên Dũng	Hộ sinh hạng IV	V.08.05.13	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
8	Nguyễn Thị	Thạch		08/11/1979	Điều dưỡng trưởng khoa	BVĐK Lục Nam	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/05/2016	7	3.06	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đủ tg giữ CDNN
9	Nguyễn Thị	Huệ		23/3/1978	Điều dưỡng chuyên khoa sản	Trung tâm Y tế Lục Ngạn	Hộ sinh Hạng IV	V.08.06.16	01/10/2015	7	3.06+0.28	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
10	Phạm Thị Bích	Thủy		10/02/1979	Phó trưởng trạm	Trạm YTX Đồng Kỳ thuộc TTYT Yên Thế	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	01/10/2015	7	3.06	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
11	Nguyễn Thị Thu	Hằng		15/04/1984	Hộ sinh	Trạm YTX Tam Tiến thuộc TTYT Yên Thế	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	01/10/2015	5	2.66	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đúng CDNN
12	Nguyễn Văn	Xiêm	15/05/1972		Phó Trưởng phòng	BVĐK huyện Sơn Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/04/2017	9	3.46	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đủ tg giữ CDNN
13	Nguyễn Thị Thanh	Hưng	20/06/1982		Điều dưỡng	Trạm YTX Nhã Nam thuộc TTYT huyện Tân Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/04/2017	6	2.86	ĐH	Điều dưỡng	B	B			Tiếng Anh	Không đủ tg giữ CDNN